

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD-CIC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng HUD-CIC ban hành tháng 9/2005.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng HUD-CIC số 108/BB-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2016

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2015 với một số chỉ tiêu chính sau:

| STT | Các chỉ tiêu chính | KH 2015 | Thực hiện 2015 | |
|-----|--|---------------|----------------|------------|
| | | | TH | % TH |
| 1 | Giá trị SXKD | 15,175 | 15,698 | 103 |
| | <i>Giá trị tư vấn</i> | <i>12,175</i> | <i>15,398</i> | |
| | <i>Giá trị xây lắp</i> | <i>3,000</i> | <i>0,300</i> | |
| 2 | Doanh thu | 15,122 | 19,987 | 132 |
| | <i>Giá trị tư vấn</i> | <i>14,122</i> | <i>19,487</i> | |
| | <i>Giá trị xây lắp</i> | <i>1,000</i> | <i>0,500</i> | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | - Công ty mẹ HUD-CIC | 11,122 | 18,547 | 166 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 0,500 | 1,146 | 229 |
| | Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 0,126 | |
| | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | 0,218 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | | 1,238 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | - Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ HUD-CIC | | 0,761 | |

| STT | Các chỉ tiêu chính | KH 2015 | Thực hiện 2015 | |
|-----|--|---------|----------------|------|
| | | | TH | % TH |
| | - Lợi nhuận cổ đông không kiểm soát | | 0,477 | |
| 5 | Nộp ngân sách NN | 0,910 | 1,995 | 219 |
| 6 | Vốn chủ sở hữu | 11,900 | 13,693 | 115 |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn CSH (%) | 4,2 | 8,3 | 200 |
| 8 | Mức cổ tức đề nghị chia cho cổ đông (%) | 2 | 4 | 200 |
| 9 | Thu nhập bình quân (tr.đ/người/tháng) | 4,5 | 5,0 | 111 |

Điều 2: Thông qua kế hoạch SXKD 2016 và kế hoạch SXKD 05 năm 2016-2020 với một số chỉ tiêu chính sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đ.vị | KH 2016 | KH 2017 | KH 2018 | KH 2019 | KH 2020 |
|-----------|--|------|---------|---------|---------|---------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| I | Giá trị SXKD | Tỷ đ | 16,440 | 17,527 | 19,280 | 21,208 | 23,329 |
| 1 | Giá trị xây lắp | Tỷ đ | 1,000 | 4,382 | 4,820 | 5,302 | 5,832 |
| 2 | Giá trị tư vấn | Tỷ đ | 15,440 | 13,145 | 14,460 | 15,906 | 17,496 |
| II | Cá chỉ tiêu chính | | | | | | |
| 1 | Doanh thu | Tỷ đ | 16,194 | 17,466 | 19,213 | 21,134 | 23,247 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đ | 0,525 | 0,561 | 0,610 | 0,680 | 0,750 |
| 3 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đ | 0,956 | 1,003 | 1,053 | 1,106 | 1,161 |
| 4 | Vốn chủ sở hữu | Tỷ đ | 12,138 | 12,381 | 12,628 | 12,881 | 13,139 |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu | % | 4,3 | 4,5 | 4,6 | 4,7 | 4,9 |
| 6 | Dư nợ tín dụng | Tr đ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Thu nhập bình quân đồng/người/tháng | Tr đ | 5,0 | 5,3 | 5,5 | 5,8 | 6,0 |
| 8 | Cổ tức hàng năm | % | 3,0 | 3 | 4 | 4 | 5 |

Điều 3: Thông qua báo cáo Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị năm 2015, kế hoạch SXKD 2016-2020 và một số nhiệm vụ, giải pháp chính để thực hiện KH SXKD năm 2016 với một số nội dung chính sau:

3.1. Về Kế hoạch 2016-2020:

Năm 2016 kế hoạch sản lượng, doanh thu, lợi nhuận với tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu từ 5-8% so với kế hoạch năm 2015.

Năm 2017 kế hoạch sản lượng, doanh thu, lợi nhuận với tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu từ 5-8% so với kế hoạch năm 2016.

Các năm 2018-2020 có tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu hàng năm so với năm trước từ 8-10%.

3.2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chính để thực hiện KH SXKD năm 2016:

- Hoàn chỉnh mô hình hoạt động của Công ty, ổn định tổ chức, tuyển dụng, bổ sung các kiến trúc sư, kỹ sư chuyên ngành có chất lượng cao cho phòng Kế hoạch kỹ thuật, các Văn phòng tư vấn để có thể chủ động, đảm đương thiết kế các công trình, dự án lớn và có đủ khả năng tham gia thi tuyển phương án kiến trúc các công trình trong và ngoài Tổng công ty.

- Đẩy mạnh và mở rộng lĩnh vực tư vấn thiết kế cụ thể như lĩnh vực Tư vấn giám sát; Tư vấn đấu thầu; Tư vấn quản lý dự án.

- Từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các CBCNV Công ty.

- Đối với các dự án đã được ký kết hợp đồng cần thực hiện tốt công tác thiết kế, đảm bảo tiến độ và chất lượng để từng bước nâng cao năng lực, khẳng định thương hiệu và uy tín của Công ty HUD-CIC trong lĩnh vực tư vấn thiết kế.

- Tập trung công tác thanh toán và thu hồi vốn đối với các hợp đồng tư vấn đã hoàn thành (đặc biệt là các hợp đồng tư vấn đã hoàn thành của nhiều năm trước đây) và các hợp đồng đang triển khai.

- Tích cực, chủ động tìm kiếm các hợp đồng tư vấn thiết kế các công trình mới, tham gia thi tuyển, đấu thầu thiết kế các công trình của các Chủ đầu tư trong Tổng công ty cũng như Chủ đầu tư bên ngoài.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh các hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo các hoạt động chỉ đạo điều hành chặt chẽ, minh bạch, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức, xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý nội bộ, quy chế khoán nội bộ của Công ty cho phù hợp với thực tế.

- Ủy quyền HĐQT xem xét thời điểm thích hợp để thoái vốn Nhà nước tại Công ty theo chỉ đạo của Tổng công ty.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chính sau:

| STT | Các chỉ tiêu chính | Đơn vị tính (đồng) |
|-----|--|--------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 30.514.404.066 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu: | 13.693.517.354 |
| 2.1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 9.900.000.000 |
| 2.2 | Quỹ đầu tư phát triển | 1.859.077.817 |
| 3 | Vốn khác của chủ sở hữu | 8.812.692 |
| 2.5 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 1.235.647.002 |
| 3 | Tổng Doanh thu và thu nhập khác | |
| 3.1 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 19.987.285.570 |
| 3.2 | Doanh thu hoạt động tài chính | 291.886.296 |
| 3.3 | Thu nhập khác | |

| | | |
|----------|---|----------------------|
| 4 | Tổng chi phí | |
| 4.1 | Giá vốn hàng bán | 14.025.103.425 |
| 4.2 | Chi phí tài chính | 1.484.644 |
| 4.3 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 1.982.230.635 |
| 4.4 | Chi phí khác | 123.796.876 |
| 5 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.146.556.286 |
| 6 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 126.752.049 |
| 7 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | -218.357.508 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.238.161.745 |
| a | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ | 761.275.921 |
| b | Lợi ích sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 476.885.824 |
| 9 | Lãi cơ bản/ 01 cổ phiếu | 769 |

Điều 5: Thông qua báo cáo công tác thẩm định năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 và dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính 2016 như sau:

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2015.

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|----------------|----------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 761.275.921 | |
| 2 | Lợi nhuận âm năm các năm 2014 | -71.296.078 | |
| 3 | Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi bị âm các năm trước | -103.682.637 | |
| 3 | Lợi nhuận còn lại được chia năm 2015 | 586.297.206 | LNCL |
| | - Quỹ Đầu tư phát triển | 58.629.720 | 10% LNCL |
| | - Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 117.259.440 | 20% LNCL |
| 4 | Chi trả cổ tức cho các cổ đông (4%) | 396.000.000 | 68% LNCL |
| 5 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối | 14.408.046 | |

5.2.. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính 2016:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016 dự kiến là: 420.000.000 đồng.
- Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2016 như sau:
 - + Trích quỹ Đầu tư phát triển: từ 10% - 15% lợi nhuận sau thuế.
 - + Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi: từ 10% - 20% lợi nhuận sau thuế.
 - + Chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ cổ tức 3%.

Điều 6: Thông qua việc lựa chọn Công ty hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016. Trong trường hợp không thống nhất được với Công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ

